

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/DS-ST.

Ngày: 02/02/2018.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Thanh.

Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang, Thư ký Tòa án Huyện.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên
Tòa:** Ông Trần Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Trong các 14- 29/9 và 06-10/10/2017; 31/01- 02/02/2018 tại Trụ sở Tòa án huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2016/TLST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2016, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 127/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên Tòa số 106/2017/QSSST-DS, ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã PĐ, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Bà T ủy quyền cho ông Phạm Trung Đ, sinh năm 1957; địa chỉ số 19, đường Nguyễn H, phường 2, Tp. V L, tỉnh Vĩnh Long; theo văn bản ủy quyền số 06018 ngày 07/10/2017)

Bị đơn: Đoàn Thị T, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Ấp MP 1, xã MQ, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Ông Phạm Trung Đ có mặt tại phiên Tòa, bà Đoàn Thị T vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Thị Thanh T (ủy quyền cho ông Phạm Trung Đ) trình bày:

- Bà Huỳnh Thị Thanh T ủy quyền cho ông Phạm Trung Đ trình bày: Ngày 29 tháng 4 năm 2015 bà Triều có cho bà Đoàn Thị T vay mượn số tiền 200.000.000 đồng, mức lãi suất do bà T tự nguyện với số tiền là 9.000.000 đồng, bà T có thể chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đoàn Thị T đứng tên, thời gian vay bảy tháng tính từ ngày 29/4/2015 đến ngày 30/11/2015. Đến ngày 19 tháng 9 năm 2015, bà T đến hỏi mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà bà đang vay thế chấp cho T, để bà mang đến Ngân hàng làm thủ tục vay, lấy số tiền này trả lại cho bà T. Do quá tin tưởng nên bà T cho bà T mượn lại để vay thế chấp tại ngân hàng, nhưng khi vay xong thì bà T không thực hiện lời hứa như bà đã cam kết. Nay bà T yêu cầu bà Đoàn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi 9.000.000 đồng, tổng cộng 209.000.000 đồng mà bà T hứa trả cho bà T vào ngày 30/11/2015.

- Tại các biên bản hòa giải bị đơn bà Đoàn Thị T trình bày: Vào ngày 27 tháng 4 năm 2015 bà có vay của bà Huỳnh Thị Thanh T 05 chỉ vàng trị giá 16.000.000 đồng và bà có thể chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 14/5/2015 bà có đến vay 05 chỉ vàng trị giá 16.000.000 đồng lãi suất mỗi triệu 150.000 nghìn đồng, đến ngày 15 tháng 8 năm 2015 bà đến trả đủ vốn và lãi và rút lại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khoản vay ngày 27/4/2015; đến ngày 01/10/2015 bà có đem đến trả cho bà T số tiền 16.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay ngày 14/5/2015, còn phần tiền lãi 9.000.000 đồng, hẹn một tháng sau trả nên bà T cho bà rút lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến ngày 02/3/2016 bà T đến nhà bà đòi lại 9.000.000 đồng tiền lãi bà không có tiền trả, bà T kêu bà ký tên là còn thiếu 9.000.000 đồng và đã lấy quyền sử dụng đất về rồi, nhưng không hiểu sao bà T lại kiện bà nói là bà thiếu 200.000.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 209.000.000 đồng; nay bà không đồng ý trả cho bà T số tiền 200.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền lãi 9.000.000 đồng. Bà yêu cầu giám định chữ ký tên và chữ ghi “Đoàn Thị T” dưới chữ ký tên tại tờ giấy tập mà bà T nộp cho Tòa án ghi tôi thiếu 200.000.000 đồng. Tôi khẳng định chữ ký và chữ viết tên “Đoàn Thị T” trên tờ giấy tập mà bà T cung cấp rất giống chữ ký và chữ viết của bà, bà có ký và viết tên do bà T đưa cách nay 10 ngày nhưng là trên tờ giấy khác nội dung do bà T viết là bà chỉ có thiếu bà T 9.000.000 đồng và có lấy quyền sử dụng đất, chứ không có thiếu 200.000.000 đồng.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nên không có ý kiến gì; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án; riêng

bị đơn thực hiện không đúng, vắng mặt không lý do trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa xét xử; vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị Thanh T có cho bà Đoàn Thị T vay nhiều lần, đến ngày 29 tháng 4 năm 2015 bà Đoàn Thị T có làm biên nhận vay của Huỳnh Thị Thanh T với số tiền là 200.000.000 đồng và tiền lãi 7 tháng từ 29/4/2015 đến 30/11/2015 lãi suất với số tiền là 9.000.000 đồng, tổng cộng là 209.000.000 đồng. Bà Đoàn Thị T thì cho rằng chỉ còn thiếu tiền lãi là 9.000.000 đồng, chứ không có thiếu của bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền là 200.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết, bà Huỳnh Thị Thanh T có xuất trình cho Tòa án biên nhận thể hiện bà Đoàn Thị T có vay của bà T số tiền là 200.000.000 đồng, theo kết quả giám định thì chữ ký trong biên nhận 200.000.000 đồng là của bà Đoàn Thị T. Trong quá trình giải quyết vụ án, khi bà Đoàn Thị T có mặt tại Tòa, bà cho rằng không có vay của bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 200.000.000 đồng, nhưng bà T không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình và bà Đoàn Thị T vắng mặt tại các biên bản hòa giải và tại các phiên tòa của Tòa án, điều này thể hiện bà Đoàn Thị T không chứng minh được như lời trình bày của mình là không có vay của bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T, buộc bà Đoàn Thị T trả cho bà Huỳnh Thị T Triệu số tiền là 209.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, xét thấy tại phiên tòa bị đơn là bà Đoàn Thị T vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà Đoàn Thị T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thanh T về việc yêu cầu bà Đoàn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay, của khoản vay ngày 29/4/2015 là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 9.000.000 đồng, tính từ ngày 29/4/2015 đến 30/11/2015, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Theo lời trình bày của bà T, bà có cho bà T vay hai lần, cụ: Lần thứ nhất bà T vay 16.000.000 đồng có làm biên nhận, không nhớ ngày nhưng nhớ là tháng 4 năm 2015 (hiện nay biên nhận này không còn); lần thứ hai vay 184.000.000 đồng (không làm biên nhận 184.000.000 đồng) mà làm biên nhận

tổng là 200.000.000 đồng là ngày 29/4/2015, tiền lãi 9.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng tính từ ngày 29/4/2015 đến 30/11/2015; bà T có thể chấp cho bà hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khoản vay 16.000.000 đồng và 184.000.000 đồng, nhưng làm biên nhận tổng là 200.000.000 đồng, sau khi làm biên nhận thì khoản tháng 9 năm 2015 (không nhớ ngày) thì bà T mượn lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp ngân hàng trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà. Biên nhận bà nộp cho Tòa án, là biên nhận ngày bà T mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà nhớ là tháng 9 năm 2015 nhưng không nhớ ngày, còn biên nhận 200.000.000 đồng bà T mượn bà là biên nhận làm ngày 29/4/2015 mà bà nộp cho Tòa án ngày 10/10/2017.

[3] Lý do biên bản đối chất ngày 16/6/2016 bà T khai là tháng 5 năm 2015 cho bà T vay 16.000.000 đồng là ngày dương lịch, còn âm lịch là tháng 4 năm 2015, đến ngày 29/4/2015 đưa cho bà T mượn số tiền 184.000.000 đồng, cộng 16.000.000 đồng, nên mới làm biên nhận ngày 29/4/2015 là 200.000.000 đồng. Bà T có cho cháu của bà T vay 5 chỉ vàng 24kara, số vàng này cháu bà T đã trả xong và đã xé biên nhận, lãi suất bao nhiêu không nhớ.

[4] Bà T yêu cầu bà T trả 200.000.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền lãi là của biên nhận ngày 29/4/2015, tiền lãi 9.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng ngày 29/4/2015, tiền gốc 200.000.000 đồng cho khoản vay ngày 29/4/2015, hạn trả nợ cho khoản vay 200.000.000 đồng là ngày 30/11/2015, lãi suất là một phẩy mấy theo lãi suất ngân hàng nhưng không nhớ rõ, nhưng tính đến ngày 30/11/2015 lãi là 9.000.000 đồng, bà T chưa trả lãi cho bà phần nào của khoản vay 200.000.000 đồng.

[5] Tại biên nhận bà T nộp cho Tòa án, tại con số 29/4/2015 có dấu hiệu sửa từ “số 7” thành “số 9” bà T giải thích: Bà dự định viết là ngày 27/4/ nhận 16.000.000 đồng, ngày 29/4 nhận 184.000.000 đồng, nhưng chốt lại là 200.000.000 đồng, nên bà sửa lại 27/4/2015 thành 29/4/2015.

[6] Đối với lời trình bày của bà T tại các biên bản hòa giải: Bà cho rằng, ngày 27/4/2015 có vay của bà T 5 chỉ vàng 24kara trị giá 16.000.000 đồng và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 14/5/2015 bà có đến vay 05 chỉ vàng 24kara trị giá 16.000.000 đồng, lãi suất mỗi triệu là 150.000 nghìn đồng, đến ngày 15/8/2015 bà đã trả đủ vốn và lãi và rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 01/10/2015 bà có đem đến trả cho bà T số tiền 16.000.000 đồng tiền gốc, còn phần tiền lãi 9.000.000 đồng, hẹn một tháng sau trả, nên bà T cho bà rút lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến ngày 02/3/2016 bà T đến nhà bà đòi lại 9.000.000 đồng tiền lãi bà không có tiền trả, bà T kêu bà ký tên là còn thiếu 9.000.000 đồng và đã lấy quyền sử dụng đất về rồi, nhưng không hiểu sao bà T lại kiện bà nói là bà thiếu 200.000.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền lãi; tổng

cộng là 209.000.000 đồng. Nay bà không đồng ý trả cho bà T số tiền 200.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền lãi là 9.000.000 đồng.

[7] Qua lời trình bày của bà T, bà T Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của bà T là có căn cứ. Bởi lẽ, bà T khai là bà có cho bà Đoàn Thị T vay hai lần: Lần thứ nhất vay 16.000.000 đồng có làm biên nhận, nhưng không nhớ ngày (hiện nay biên nhận này không còn), nhưng nhớ là tháng 4 năm 2015; lần thứ hai vay 184.000.000 đồng không làm biên nhận, mà làm biên nhận tổng là 200.000.000 đồng cho hai khoản vay, biên nhận 200.000.000 đồng làm ngày 29/4/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T khai hiện nay biên nhận tổng ngày 29/4/2015 bà T nhận 200.000.000 đồng không còn, bà T đã xé bỏ; nhưng tại phiên Tòa ngày 10/10/2017 bà T lại xuất trình biên nhận thể hiện bà T thiếu bà T tiền vốn cho hai khoản vay là 200.000.000 đồng và lãi của số tiền 200.000.000 đồng là 9.000.000 đồng, tổng cộng là 209.000.000 đồng; điều này chứng minh về việc bà T cho bà T vay hai lần như đã nêu trên với tổng số tiền là 200.000.000 đồng là có thật; ngoài ra, bà còn cho rằng giữa bà với bà T lại thống nhất không làm biên nhận 184.000.000 đồng cho khoản vay lần thứ hai, mà lại làm biên nhận ngày 29/4/2015 là 200.000.000 đồng; ngoài ra, bà T lại khai vào khoản tháng 9 năm 2015, bà T có đến mượn quyền sử dụng đất đem về vay ngân hàng đến ngày 30/11/2015 sẽ trả tiền cho bà T, biên nhận bà nộp cho Tòa án là ngày bà T đến mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biên nhận nộp cho Tòa án ngày 10/10/2017 là biên nhận 200.000.000 đồng và tính lãi số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 29/4/2015 đến 30/11/2015 là 9.000.000 đồng (lãi suất theo lãi suất ngân hàng, theo bà T trình bày), biên nhận này bà T cho rằng bà là người viết biên nhận sau đó đưa cho bà T ký tên.

[8] Hội đồng xét xử, xét thấy lời khai của bà Huỳnh Thị Thanh T là có căn cứ và bà cũng đã có chứng cứ để chứng minh cho sự trình bày của mình như đã phân tích trên. Mặc dù, bà T tại các biên bản hòa giải không thừa nhận nội dung, cụ thể là số tiền mà bà vay 200.000.000 đồng của bà T; mà theo bà T trình bày giữa bà và bà T có làm biên nhận ngày 29/4/2015 thể hiện bà T vay của bà số tiền 200.000.000 đồng. Điều này, phù hợp với kết quả giám định, theo kết quả giám định thì biên nhận mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Biên nhận có ghi nội dung tiền vốn 200.000.000 đồng và lãi 9.000.000 đồng là chữ ký của bà Đoàn Thị T. Đối với số tiền lãi là 9.000.000 đồng, là tiền lãi tính từ ngày 29/4/2015 đến ngày 30/11/2015 của khoản tiền 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền lãi 9.000.000 đồng mà phía bà T yêu cầu bà T trả là của khoản vay 200.000.000 đồng là bảy tháng (tính từ 29/4/2015 đến 30/11/2015) là không vượt quá lãi suất mà pháp luật dân sự quy định, nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh lại lãi suất; mặt khác trong quá trình vụ án khi bà T có mặt tại Tòa, bà T cũng đồng ý trả cho bà T số tiền lãi là 9.000.000 đồng. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc khởi kiện của bà T là có căn cứ, nên chấp

nhận yêu cầu của bà T, buộc bà Đoàn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn là 200.000.000 đồng, tiền lãi 9.000.000 đồng, tổng cộng là 209.000.000 đồng.

Do yêu cầu của bà T được chấp nhận, nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định tại Điều 147, Điều 161, Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T.

Buộc bà Đoàn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 209.000.000 đồng (Hai trăm lẻ chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Huỳnh Thị Thanh T được nhận lại số tiền 5.225.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 039166 ngày 04/4/2016, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

+ Bà Đoàn Thị T phải chịu 10.450.000 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí giám định: Bà Đoàn Thị T phải chịu chi phí giám định với số tiền là 6.939.000 đồng, nhưng do bà Huỳnh Thị Thanh T đã nộp tạm ứng và đã

chi xong, nên bà Đoàn Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 6.939.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lê Văn Ngọc